

Số : 1305 /BV-DUOC
V/v : Mời báo giá thuốc

Hà Đông, ngày 26 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Công ty sản xuất, kinh doanh thuốc

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội;

Bệnh viện đa khoa Hà Đông đang xây dựng kế hoạch mua bổ sung thuốc năm 2025 tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông. Để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung thuốc. Bệnh viện trân trọng thông báo quý công ty có đủ năng lực, kinh nghiệm có nhu cầu cung ứng thuốc cung cấp báo giá thuốc cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau :

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá :

Bệnh viện đa khoa Hà Đông, Địa chỉ : Số 2 – Bế Văn Đàn – Phường Hà Đông – Hà Nội

2. Hình thức nhận báo giá

- Báo giá bằng văn bản, có dấu đỏ của công ty gửi về địa chỉ : Bệnh viện đa khoa Hà Đông – Số 2 – Bế Văn Đàn – Phường Hà Đông – Hà Nội. Lưu ý bản cứng chỉ nhận báo giá qua văn thư bệnh viện.

- Bản file mềm gửi vào hộp thư : dauthaudooc.bvhd@gmail.com

3. Thời gian nhận báo giá : Đến trước 17h00 ngày 09/12/2025

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

II. Nội dung yêu cầu báo giá :

- Danh mục mua bổ sung thuốc (Phụ lục 1 kèm theo)

- Bảng mẫu báo giá (Phụ lục 2 kèm theo)

- Thời gian có hiệu lực của báo giá : Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 09/12/2025.

Bệnh viện đa khoa Hà Đông kính mời các Công ty sản xuất kinh doanh thuốc có đủ năng lực kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Kính mời các công ty tham gia báo giá. Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, Dược



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Vinh

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC THUỐC MUA BỔ SUNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÀ ĐÔNG

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Acenocoumarol	Nhóm 2	1mg	Uống	Viên	Viên	1
2	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	Nhóm 4	100mg + 75mg	Uống	Viên	Viên	1
3	Aciclovir	Nhóm 4	0,3%/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tuýp	1
4	Acid Fusidic + Betamethasone valerat	Nhóm 4	(2% + 0,1%)/20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
5	Acitretin	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên nang	Viên	1
6	Adapalen	Nhóm 1	0,1%-30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
7	Aescin	Nhóm 4	50mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1
8	Alverin citrat + simethicon	Nhóm 4	60mg + 300mg	Uống	Viên nang	Viên	1
9	Amoxicilin + acid clavulanic	Nhóm 2	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1
10	Benzoyl Peroxide	Nhóm 4	10%/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp/lọ	1
11	Atropin sulfat	Nhóm 4	0,25mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
12	Betahistin	Nhóm 2	16mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
13	Betahistin	Nhóm 4	24mg (dạng muối)	Uống	Viên nang	Viên	1
14	Bisoprolol fumarat	Nhóm 3	2,5mg	Uống	Viên	Viên	1
15	Cafein citrat	Nhóm 4	30mg/3ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
16	Calci gluconat	Nhóm 2	10%/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
17	Calci-3-methyl-2-oxovalerat + Calci-4-methyl-2-oxovalerat + Calci-2-oxo-3-phenylpropionat + Calci-3-methyl-2-oxobutyrat + Calci-DL-2-hydroxy-4-(methylthio)butyrat + L-Lysin acetat + L-Threonin + L-Tryptophan + L-Histidin + L-Tyrosin	Nhóm 4	67mg + 101mg + 68mg + 86mg + 59mg + 105mg + 53mg + 23mg + 38mg + 30mg	Uống	Viên	Viên	1
18	Calcitonin salmon	Nhóm 1	50UI/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
19	Candesartan + hydrochlorothiazid	Nhóm 2	16mg (dạng muối) + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	1
20	Cilnidipin	Nhóm 3	5 mg	Uống	Viên	Viên	1
21	Cilostazol	Nhóm 1	50mg	Uống	Viên	Viên	1
22	Crotamiton	Nhóm 4	10%/20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
23	Cyclophosphamid	Nhóm 1	200mg	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
24	Cytidin monophosphat disodium + Uridin monophosphat disodium	Nhóm 2	5mg + 3mg	Uống	Viên nang	Viên	1
25	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	Nhóm 1	10mg + 6mg (dạng muối)	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ/ống	1
26	Dabigatran etexilate	Nhóm 4	150mg	Uống	Viên	Viên	1
27	Desloratadin	Nhóm 1	0,5mg/ml-100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
28	Desloratadin	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	1
29	Desonide	Nhóm 4	0,05%/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
30	Diazepam	Nhóm 4	10mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
31	Diazepam	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	1
32	Diosmectit	Nhóm 1	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1
33	Diphenhydramin	Nhóm 4	10mg/1ml(dạng muối)	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
34	Drotaverin clohydrat	Nhóm 1	40mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
35	Etamsylat	Nhóm 4	500mg/4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
36	Exemestan	Nhóm 1	25mg	Uống	Viên	Viên	1
37	Fenofibrat	Nhóm 3	160mg	Uống	Viên	Viên	1
38	Fentanyl	Nhóm 5	0,5mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
39	Galantamin hydrobromid	Nhóm 4	5mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
40	Gefitinib	Nhóm 4	250mg	Uống	Viên	Viên	1
41	Ginkgo biloba	Nhóm 1	120mg	Uống	Viên	Viên	1
42	Glucose	Nhóm 4	20%/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	1
43	Glucose	Nhóm 4	5%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	1
44	Imatinib	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên	Viên	1
45	Imidapril	Nhóm 3	5mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	1
46	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	Nhóm 5	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bút tiêm	1
47	Insulin người trộn, hỗn hợp (30/70)	Nhóm 5	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	1
48	Isosorbid mononitrat	Nhóm 4	20mg	Uống	Viên	Viên	1
49	Ivabradin	Nhóm 1	2,5 mg	Uống	Viên	Viên	1
50	Ivermectin	Nhóm 4	6 mg	Uống	Viên	Viên	1
51	Kali clorid	Nhóm 4	10%/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
52	Kali clorid	Nhóm 1	600mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
53	Kẽm gluconat	Nhóm 4	70mg	Uống	Viên	Viên	1
54	Lacidipin	Nhóm 1	2mg	Uống	viên	viên	1
55	Lamivudin-Tenofovir disoproxil fumarat-Dolutegravir	Nhóm 5	300/300/50mg	Uống	Viên	Viên	1
56	Lamivudin-Zidovudine	Nhóm 4	150/300mg	Uống	Viên	Viên	1
57	Levobupivacain	Nhóm 1	50mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
58	Lidocain hydroclorid	Nhóm 1	3,8g/38g	Dùng ngoài	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Lọ	1
59	Macrogol 4000 + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	Nhóm 4	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1
60	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxide gel + simethicon	Nhóm 4	(800,4+800+0,08)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	1
61	Menadion natri bisulfít	Nhóm 4	5mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
62	Mesna	Nhóm 1	400mg/4ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
63	Metformin hydroclorid	Nhóm 2	1g	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
64	Metronidazol + neomycin + nystatin	Nhóm 1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Viên	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
65	Miconazol	Nhóm 4	2%/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
66	Midazolam	Nhóm 1	5mg/1 ml x 1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
67	Morphin	Nhóm 4	10mg/1ml (dạng muối)	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
68	Morphin	Nhóm 4	30mg (dạng muối)	Uống	Viên nang	Viên	1
69	N-acetylcystein	Nhóm 1	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1
70	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Nhóm 1	4,2%/250ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
71	Natri phenobarbital	Nhóm 4	200mg/2 ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
72	Nebivolol	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	1
73	Nefopam hydroclorid	Nhóm 1	20mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
74	Neostigmin metylsulfat	Nhóm 2	0,5mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
75	Netilmicin sulfat	Nhóm 4	150mg/50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
76	Netilmicin sulfat	Nhóm 4	300mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
77	Nhũ dịch lipid	Nhóm 1	10%/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi	1
78	Ofloxacin	Nhóm 5	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	1
79	Omeprazol	Nhóm 4	40mg	Uống	Viên nang	Viên	1
80	Pemirolast kali	Nhóm 1	0,1%/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1
81	Pethidin hydroclorid	Nhóm 1	100mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
82	Povidon Iodine	Nhóm 4	10%/450ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	1
83	Procain hydroclorid	Nhóm 4	3%/2ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
84	Progesteron	Nhóm 1	25mg/ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
85	Proparacain hydroclorid	Nhóm 1	0,5%/15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1
86	Propofol	Nhóm 1	1%/20ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
87	Propranolol hydroclorid	Nhóm 4	40mg	Uống	Viên	Viên	1
88	Rocuronium bromid	Nhóm 1	50mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
89	Saccharomyces boulardii	Nhóm 4	2,26 x 10 mũ 9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	1
90	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Nhóm 4	(30mg + 0,64mg)/g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
91	Simethicon	Nhóm 1	40mg/ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ	1
92	Sitagliptin + metformin hydroclorid	Nhóm 3	100mg + 1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
93	Telmisartan	Nhóm 1	20 mg	Uống	Viên	Viên	1
94	Telmisartan + hydrochlorothiazid	Nhóm 1	40mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	1
95	Tobramycin	Nhóm 1	40mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
96	Tolperison hydroclorid	Nhóm 2	150mg	Uống	Viên	Viên	1
97	Travoprost + timolol	Nhóm 1	(0,04mg/ml + 5mg/ml) x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1
98	Triclabendazol	Nhóm 5	250 mg	Uống	Viên	Viên	1
99	Ursodeoxycholic acid	Nhóm 1	300mg	Uống	Viên	Viên	1
100	Vitamin B1	Nhóm 4	100mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	1
101	Vitamin E	Nhóm 2	400UI	Uống	Viên nang	Viên	1
102	Yếu tố IX	Nhóm 1	250IU	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
103	Flurbiprofen	Nhóm 5	8,75mg	Uống	Viên ngậm	Viên	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
104	Metformin hydroclorid	Nhóm 2	750mg	Viên	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
105	Lidocain hydroclorid	Xylocaine Jelly hoặc tương đương điều trị	2%/30g	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	1
106	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid)	Avelox hoặc tương đương điều trị	400mg/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi	1
107	Pramipexol	Sifrol hoặc tương đương điều trị	0,18mg	Uống	Viên	Viên	1
108	Iodine (dưới dạng Iobitridol 65,81g/100ml)	Xenetix 300 hoặc tương đương điều trị	30g/100ml - 50ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống	1
109	Itoprid hydrochlorid	Elthon 50mg hoặc tương đương điều trị	50mg	Uống	Viên	Viên	1
110	Octreotide	Sandostatin hoặc tương đương điều trị	0,1mg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/ống	1
111	Metformin hydrochloride	Glucophage XR 750mg hoặc tương đương điều trị	750mg	Viên	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1
112	Fluorometholon	Flumetholon 0,02 hoặc tương đương điều trị	1mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1
113	Fenoterol hydrobromide + Ipratropium bromide khan	Berodual hoặc tương đương điều trị	(0,05mg/nhát xịt + 0,02mg/nhát xịt) x 200 nhát xịt	Xịt	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Ống	1
114	Amlodipine + Telmisartan	Twynsta hoặc tương đương điều trị	5mg + 40mg	Uống	Viên	Viên	1
115	Ginkgo biloba extract	Tanakan hoặc tương đương điều trị	40mg	Uống	Viên	Viên	1
116	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung	Nhóm 3		Uống	Viên	Viên	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
117	Hải sâm	Nhóm 3		Uống	Viên nang	Viên	1
118	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược	Nhóm 3		Uống	Viên	Viên	1
119	Hùng chanh, Núc nác, Cineol	Nhóm 3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai $\geq 60\text{ml}$	1
120	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Nhóm 3		Uống	Viên nang	Viên	1
121	Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt	Nhóm 3		Uống	Viên nang	Viên	1
122	Đảng sâm, Bạch truật, Hoàng kỳ, cam thảo, viễn trí, toan táo nhân, Long nhãn, Đương quy, Mộc hương, Đại táo	Nhóm 3		Uống	Viên hoàn cứng	Viên	1
123	Ngưu nhĩ phong, Lá liễu	Nhóm 4		Uống	Viên	viên	1
124	Vắc xin phòng Lao	Nhóm 4	BCG sống, đông khô 0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống/ lọ	1
125	Vắc xin phòng Sởi	Nhóm 4	≥ 1000 PFU/liều 0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
126	Vắc xin phòng Tả	Nhóm 4	[V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U. LPS]/1,5ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/nhũ dịch uống	Liều	1
127	Vắc xin phòng Thương hàn	Nhóm 1	25mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	1
128	Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung	Nhóm 1	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
129	Vắc xin phòng Uốn ván	Nhóm 4	Giải độc tố uốn ván tinh chế ≥ 40 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1
130	Vắc xin phòng Viêm gan A	Nhóm 4	< 100 mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
131	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Nhóm 5	Virus viêm Não Nhật. Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA14-14-2) 3mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
132	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Nhóm 5	Virus viêm Não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA14-14-2) 6mcg/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
133	Vắc xin phòng Viêm não Nhật Bản	Nhóm 4	Vi rút viêm não Nhật Bản chủng Nakayama bất hoạt, tinh khiết - Tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn Quốc gia	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
134	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	Nhóm 1	Lọ (0,5 ml): - Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID ₅₀ ; - Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID ₅₀ ; - Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID ₅₀ ;	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1
135	Huyết thanh kháng uốn ván	Nhóm 4	1500 đvqt/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	1
136	Vắc xin phòng Cúm mùa	Nhóm 2	Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H1N1) A/Victoria/4897/2022 IVR-238(H1N1) - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A (H3N2) A/Darwin/9/2021 SAN-010(H3N2) - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Austria/1359417/2021 BVR-26 - 15 mcg; Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B B/Phuket/3073/2013 - 15 mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	1
137	Vắc xin phòng đại	Nhóm 1	$\geq 3,25$ IU/ 0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	1

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
138	Vắc xin phòng sốt xuất huyết	Nhóm 5	Mỗi liều vắc xin 0,5ml sau khi hoàn nguyên chứa: Tuýp huyết thanh 1 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 3,3 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 2 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 2,7 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 3 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,0 \log 10$ PFU; Tuýp huyết thanh 4 virus Dengue (virus sốt xuất huyết) (sống, giảm độc lực) $\geq 4,5 \log 10$ PFU	Tiêm	Thuốc tiêm	Liều	1

PHỤ LỤC 2

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hà Đông

Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanhđược cấp bởi.....(Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh).

Căn cứ theo thư mời báo giá số: ngày/tháng/năm 2025 của Bệnh viện. Chúng tôi xin gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá các mặt hàng như sau:

STT	STT trong thư mời chào giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK/ GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng	Ghi chú (Số QĐ, ngày/tháng/năm, đơn vị trúng thầu)
1																
2																
...																
Tổng cộng:																

Giá trên đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí khác (nếu có).

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của mặt hàng trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

VH